TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2018
V/v trAnh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH A G1

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Châu Nam Phú.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Quốc Toàn;

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: **Ông Đặng Văn Việt - T**hư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa, bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 28/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐDS-ST ngày 28/6/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy A (tên gọi khác là G), sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ nơi cư trú: tổ 7, khóm Long B, phường Long P, thị xã C, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng G1, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ nơi cư trú: ấp Tân L, xã T, huyện T1, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, ấp V 1, xã N, huyện T1, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lại ngày 16 tháng 01 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh G1 quen biết nhau, được hai bên gia đình chấp nhận và tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết ôn tại Ủy ban nhân dân xã Long P, thị xã C và được cấp giấy kết hôn số 196/HT, quyển số II/2008. Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình của chị, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 3 năm, đến năm 2015 thì chị phát hiện Anh G1 sử dụng ma túy, chị khuyên bảo nhưng Anh G1 không từ bỏ, quá trình sử dụng ma túy Anh G1 bị Công An xã N đưa đi cai ngiện tại xã L và một lần bị Công A phường Long P, thị xã C xử phạt về hành vi sử dụng ma túy đá về gia đình quậy phá. Từ tháng 3 năm 2017, Anh G1 bỏ về bên cha mẹ ruột ở xã N sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nhận thấy giữa chị và Anh G1 không hàn gắn được nên chị xin ly hôn Anh G1.

Về con chung: có hai đứa con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 23/11/2011 (đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng) và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/8/2014 (do Anh G1 trực tiếp nuôi dưỡng). Khi ly hôn chị xin quyền nuôi con, vì chị có nghệ nghiệp, thu nhập ổn định, bảo đảm điều kiện nuôi con, còn Anh G1 bản thân nghiện ma túy, không có việc làm ổn định; nếu giao con chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu Anh G1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có.

Quá trình tố tụng, Anh Nguyễn Hoàng G1 đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai về: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị Thúy A có mặt, bị đơn Anh G1 vắng mặt (không có lý do) nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 28/6/2018, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn Anh G1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Anh G1 tiếp tục vắng mặt; nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy A vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Anh G1 chưa thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị Thúy A và Anh G1 có sự mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thúy A.

Về con chung**:** có hai đứa con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 23/11/2011, đang do chị A nuôi dưỡng và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/8/2014, do Anh G1 nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Thúy A xin quyền nuôi con. Xét điều kiện nuôi con thì chị Thúy A có điều kiện nuôi con hơn vì chị Thúy A có thu nhập ổn định, Anh G1 không có nghề ổn định lại nghiện ma túy nên không thể nuôi dạy con tốt được. Tại phiên tòa chị Thúy A xin được quyền nuôi con, Anh G1 vắng không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai đứa con chung cho chị Thúy A tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: chị Thúy A không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trAnh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập Nguyễn Hoàng G1 tham gia phiên tòa hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quA. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và theo nơi đăng ký thường trú của bị đơn tại ấp Tân L, xã T, huyện T1, tỉnh A Giang, chỗ ở hiện nay: tổ 6, ấp V 1, xã N, huyện T1, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quA hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thúy A và Anh Nguyễn Hoàng G1 được xác lập vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long P, thị xã C theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo xác minh tại địa phương thì hôn nhân của chị Thúy A và Anh G1 có mâu thuẫn, do Anh G1 sử dụng ma túy về quậy phá gia đình, việc Anh G1 sử dụng ma túy đã được cơ quan có thẩm quyền đưa đi cai nghiện và bị xử phạt hành chính về hành vi xử dụng trái phép chất ma thúy, tại phiên tòa chị Thúy A kiên quyết xin ly hôn, điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Thúy A xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị Thúy A và Anh G1 có hai đứa con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 23/11/2011 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/8/2014. Xét yêu cầu của chị Thúy A xin quyền nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Thúy A có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định, bảo đảm điều kiện nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, ổn định cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 đứa con chung cho chị Thúy A nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị Thúy A cùng các thành viên gia đình không được cản trở Anh Nguyễn Hoàng G1 việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản chung và nợ chung chị Phạm Thị Thúy A nêu không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Tại phiên tòa, Anh Nguyễn Hoàng G1 vắng mặt không có ý kiến, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Phạm Thị Thúy A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hoàng G1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy A.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Thúy A được ly hôn Anh Nguyễn Hoàng G1.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai đứa con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 23/11/2011 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 03/8/2014 cho chị Phạm Thị Thúy A nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng G1 có nghĩa vụ giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phúc (hiện do Anh G1 đang nuôi) cho chị Phạm Thị Thúy A nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng G1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Thúy A cùng các thành viên gia đình không được cản trở Anh Nguyễn Hoàng G1 việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thúy A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0004012 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nam Phú

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKS.h.TB (1);
- THA h.TB (1);
- UBND P.Long P, thị xã C (01);
- TA Tỉnh AG (1);
- Lưu hs, văn thư (2).